

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 28-8-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tươi

2. Ông Nguyễn Ngọc Hoàng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Bà Trà Thị N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Khối H, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

b/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1984; địa chỉ: Khối H, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Trà Thị N trình bày:*

Bà Trà Thị N và ông Nguyễn Văn G kết hôn vào ngày 16/3/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông G nhiều lần nhậu nhẹt về nhà đánh đập vợ. Bà N đã nộp đơn đến Tòa án vào đầu năm 2019 và được hòa giải về đoàn tụ chung sống nhưng ông G vẫn không thay đổi. Vì vậy, bà N đã bồng con về nhà mẹ đẻ sống. Nay bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày: 21/01/2016. Hiện con chung đang sống cùng bà N. Nay ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, ông Nguyễn Văn G trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn, ông G thống nhất như lời khai của bà N. Về mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân chính là do kinh tế khó khăn, ông G làm ít tiền nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Nay bà N làm đơn xin ly hôn, ông G thấy rằng bản thân ông còn tình cảm với vợ con, mâu thuẫn có thể khắc phục được nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung như lời trình bày của bà N. Ông G không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: việc mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng, các bên đương sự đã tự sống ly thân nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Thùy D; sinh ngày 21/01/2016 cho bà Trà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2019 đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa nguyên đơn bà Trà Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn G. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: khối H, phường Điện D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trà Thị N và ông Nguyễn Văn G có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông G thừa nhận có mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và vẫn còn thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ với bà N để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, ông G không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì bà N không muốn sống chung với ông nữa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng bà N và ông G về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn ông G. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân cho thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Trà Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn G là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Bà N và ông G có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2016, hiện cháu Duyên đang sống chung với bà N.

Khi ly hôn bà N có nguyện vọng nuôi cháu Duyên và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Ông G không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Nếu bà N nuôi con thì ông G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông G không còn sống chung với nhau vài tháng nay, hiện tại cháu Nguyễn Thị Thùy D đang sống cùng bà N. Cháu Duyên đang ở độ tuổi thiếu niên nên cần sự chăm sóc, giáo dục nhất là của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Duyên, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật HN&GD thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2016 cho bà Trà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Trà Thị N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Ông G cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng nếu bà N nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2016 với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi Nguyễn Thị Thùy D đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trà Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trà Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn G.

2/ Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2016 cho bà Trà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Nguyễn Văn G cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 21/01/2016 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2019 cho đến khi Nguyễn Thị Thùy D đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Bà Trà Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002003 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Trà Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND p. Điện D;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân**